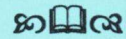


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
của cơ sở Nhà máy nước Cần Thơ 2 –  
công suất khai thác nước mặt  
40.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm**

Cần Thơ, tháng 04 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
của cơ sở Nhà máy nước Cần Thơ 2 –  
công suất khai thác nước mặt  
40.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm



CHỦ CƠ SỞ *VP*

**GIÁM ĐỐC**

*Trần Thanh Phong*

*Trần Thanh Phong*

Cần Thơ, tháng 04 năm 2024

## MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG .....	v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ .....	vi
Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....	1
1. Tên chủ cơ sở:.....	1
2. Tên cơ sở:.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở: .....	3
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở: .....	3
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:.....	4
3.3. Sản phẩm của cơ sở: .....	4
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở: .....	5
4.1. Nhu cầu nguyên liệu .....	5
4.2. Nhu cầu sử dụng nước .....	5
4.3. Nhu cầu sử dụng điện.....	6
4.4. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu .....	6
4.5. Nhu cầu sử dụng hóa chất.....	6
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở: .....	7
5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở .....	7
5.2. Danh mục máy móc, thiết bị.....	8
Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	9
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:.....	9
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường: .....	9
Chương III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP	

---

---

<b>BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ</b> .....	15
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có): ...	15
1.1. Thu gom, thoát nước mưa: .....	15
1.2. Thu gom, thoát nước thải: .....	15
1.3. Xử lý nước thải: .....	16
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải .....	18
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường: .....	20
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại: .....	22
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung .....	23
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: .....	23
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: .....	30
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: .....	30
9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 30 Nghị định này).....	31
10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học:.....	31
<b>Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG</b> .....	32
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có): .....	32
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:.....	33
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: .....	33
4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại: .....	34
5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất: .....	34
<b>Chương V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ</b> .....	35
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải .....	35
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải. ....	37

---

Chương VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	38
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: .....	38
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật. ....	38
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ: .....	38
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: .....	38
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm .....	39
Chương VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	40
Chương VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ .....	41
PHỤ LỤC BÁO CÁO .....	42

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CTNH	Chất thải nguy hại
NĐ-CP	Nghị định Chính phủ
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TSS	Tổng chất lơ lửng
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
UBND	Ủy ban nhân dân
QĐ	Quyết định

## **DANH MỤC CÁC BẢNG**

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng hóa chất tại cơ sở.....	6
Bảng 1.2. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	7
Bảng 1.3. Danh mục máy móc thiết bị cụm 40.000m <sup>3</sup> /ngày.đêm .....	8
Bảng 2.1. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nguồn nước được xác định theo quy chuẩn chất lượng nước mặt QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 1, Bảng 2-cột A) .....	10
Bảng 2.2. Chất lượng nước mặt tại vị trí xả thải (ngày 11/12/2023).....	10
Bảng 2.3. Kết quả tải lượng ô nhiễm tối đa của thông số chất lượng nước mặt ....	11
Bảng 2.4. Kết quả tải lượng ô nhiễm của các thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước .....	12
Bảng 2.5. Chất lượng chất ô nhiễm trong nguồn thải (ngày 11/12/2023).....	12
Bảng 2.6. Kết quả tải lượng các thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải .....	13
Bảng 2.7. Kết quả tính toán khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước.....	14
Bảng 3.1. Kết quả phân tích bùn thải.....	21
Bảng 3.2. Khối lượng chất thải nguy hại tại cơ sở .....	22
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải năm 2022.....	35
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải năm 2023.....	36

---

**DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ**

Hình 1.1. Sơ đồ vị trí Nhà máy nước Cần Thơ 2.....	2
Hình 1.2. Sơ đồ dây chuyền công nghệ .....	4
Hình 3.1. Sơ đồ thoát nước mưa của cơ sở.....	15
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải.....	16
Hình 3.3. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn.....	17
Hình 3.4. Quy trình xử lý nước thải tại cơ sở.....	18



## **Chương I**

### **THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

#### **1. Tên chủ cơ sở:**

- Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần cấp nước Cần Thơ 2
- Địa chỉ văn phòng: 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Lê Quốc Phục – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Điện thoại: 02923.881.690 – 02923.880.868                      Fax: 02923.881.690
- E-mail: ctycapnuoccantho2@gmail.com
- Website: www.capnuoccantho2.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 1801116600, đăng ký lần đầu ngày 12/03/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 03/03/2021.
- Mã số thuế: 1801116600
- Loại hình hoạt động: khai thác nước mặt, sản xuất nước sạch và phục vụ nước sinh hoạt.

#### **2. Tên cơ sở:**

- Tên cơ sở: Nhà máy nước Cần Thơ 2 – công suất khai thác nước mặt 40.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm
  - Địa điểm cơ sở: 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.
-



**Hình 1.1. Sơ đồ vị trí Nhà máy nước Cần Thơ 2**

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng: không có.
  - Các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:
    - + Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt (cấp lại lần 1): số 81/GP-UBND ngày 22/09/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.
    - Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:
      - + Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường số 32/GXN-PTNMT ngày 16/04/2009 của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Bình Thủy.
      - + Giấy xác nhận hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận số 312/GXN-PTNMT ngày 08/03/2010 của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Bình Thủy.
      - + Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (Gia hạn lần 1) số 29/GP-UBND ngày 09/07/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.
    - Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):
      - + Tổng vốn đầu tư của cơ sở: 117.733.160.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười bảy tỷ bảy trăm ba mươi ba nghìn một trăm sáu mươi đồng)
- Cơ sở thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 3 Mục III Phần A và Mục II Phần B Phụ lục I (*dự án có tổng mức đầu tư từ 80 tỷ đồng đến dưới 1.500 tỷ đồng*) ban hành kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ: dự án nhóm B có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Cơ sở thuộc đối tượng quy định tại số thứ tự 2 và 9 Phụ lục IV Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Do đó cơ sở thuộc đối tượng lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường, thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố Cần Thơ.

### **3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:**

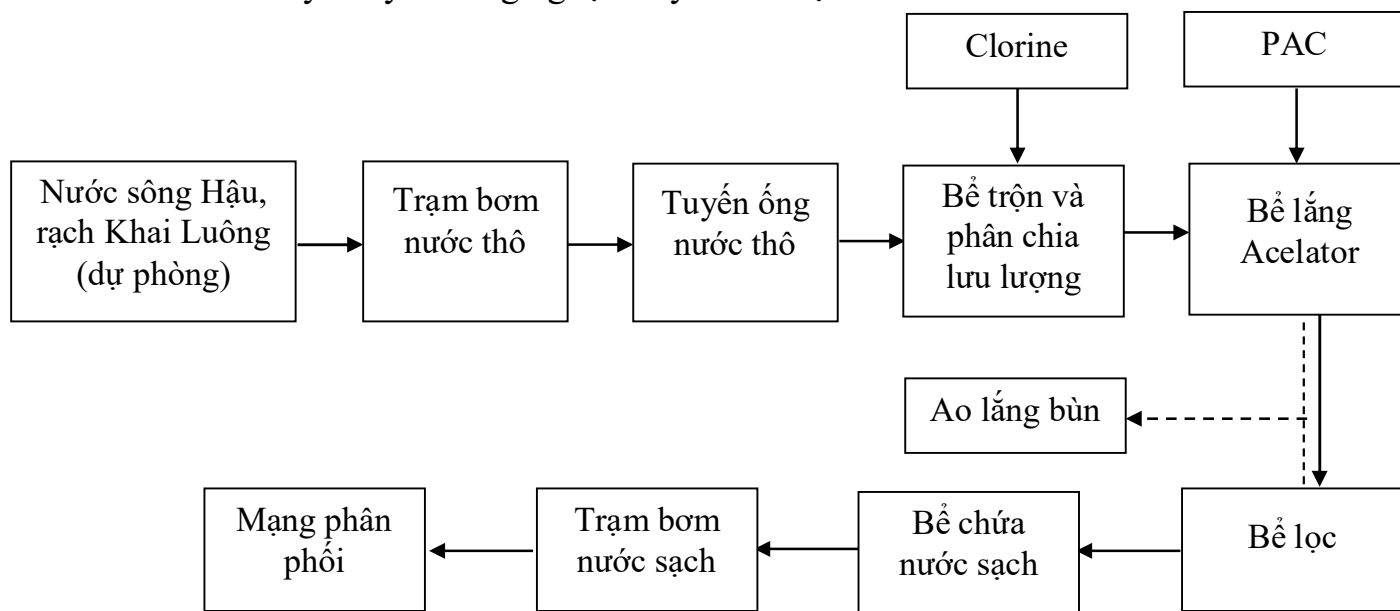
#### **3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:**

- Diện tích cơ sở: 23.787,2m<sup>2</sup>
-

- Công suất thiết kế giai đoạn I: 40.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Nguồn khai thác: Sông Hậu, rạch Khai Luông (dự phòng).

### 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý nước mặt:



Hình 1.2. Sơ đồ dây chuyền công nghệ

#### \* Thuyết minh quy trình:

Nguồn nước thô từ sông Hậu, rạch Khai Luông (dự phòng) được bơm lên trực tiếp từ trạm bơm cấp I và I', nước thô theo tuyến ống dẫn nước vào bể trộn và phân chia lưu lượng (hàng tháng nước thô được Clo hóa trước để giảm bớt phiêu sinh thực vật) sau đó qua bể lắng (gồm 3 ngăn: ngăn phản ứng, ngăn lắng, ngăn chứa nước sau lắng). Tại đây, nước thô được lắng bởi keo tụ là PAC (Poly Aluminium Chloride) bằng bơm định lượng được điều chỉnh với liều lượng dung dịch hợp lý tùy theo mùa, bởi nhân viên hóa nghiệm của nhà máy. Tại đây nước tạo các bông cặn sau đó qua ngăn lắng để lắng hết các bông cặn, nước sau lắng vào ngăn chứa rồi mới qua bể lọc. Nước sau khi lọc chảy vào bể chứa nước sạch, tại đây nước được tiệt trùng bằng Clo khí hóa lỏng, sau đó bơm ra mạng phân phối. Bùn từ bể lắng và nước xả rửa lọc được bơm về bể lắng bùn.

### 3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm của nhà máy là nước sạch khoảng 40.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### **4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:**

##### **4.1. Nhu cầu nguyên liệu**

Nguyên liệu của cơ sở là nước thô từ sông Hậu, rạch Khai Luông (dự phòng) với nhu cầu khai thác giai đoạn I là 40.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm

##### **4.2. Nhu cầu sử dụng nước**

\* *Nguồn cấp nước:* sử dụng nguồn nước cấp tại cơ sở sau khi đã qua xử lý.

\* *Nhu cầu sử dụng:*

- Nước cấp sinh hoạt:

Tổng số lượng cán bộ công nhân viên của Nhà máy khoảng 37 người, thực tế trong thời gian qua lượng nước sử dụng khoảng 60m<sup>3</sup>/ngày.đêm, phục vụ chủ yếu cho nhu cầu sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại Nhà máy.

- Nước rửa lọc:

+ Nước thải phát sinh từ công đoạn rửa thiết bị lọc: tần suất rửa thiết bị lọc là 1 tuần/lần, với thao tác thực hiện mở van xả khoảng 10 giây rồi đóng van khoảng 10 giây và tiếp tục thực hiện công tác đóng mở van liên tục khoảng 10 lần (*theo kinh nghiệm sản xuất thực tế tại Nhà máy*) nhằm để tạo ra dòng chảy rối làm dao động cọ sát vật liệu lọc với nhau. Nên lưu lượng nước phải phát sinh của công đoạn rửa thiết bị lọc khoảng:

$$Q_1 = (40.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm} \times 100 \text{ giây}) / (24 \text{ giờ} \times 60 \text{ phút} \times 60 \text{ giây}) = 46,3\text{m}^3/\text{ngày.đêm}.$$

+ Nước thải phát sinh từ công đoạn xả đáy bể lắng: Tần suất xả đáy bể lắng là 1 tháng/lần, thường xả đáy vào 1 ngày trong tuần đầu tiên của tháng với tỷ lệ xả đáy khoảng 0,15 – 0,2% (*theo kinh nghiệm sản xuất thực tế tại Công ty*). Nên lượng nước thải phát sinh do công đoạn xả đáy bể lắng như sau:

$$Q_2 = 40.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm} \times 0,2\% = 80\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$$

- Nước thải từ phòng thí nghiệm: hoạt động của phòng thí nghiệm là quan trắc chất lượng nước đầu vào và chất lượng nước sau xử lý, thực tế thời gian qua lượng nước sử dụng cho phòng thí nghiệm khoảng 100 lít/ngày.

---

Tổng lượng nước thải của cơ sở khoảng 126,4m<sup>3</sup>/ngày.đêm (thấp hơn rất nhiều so với lưu lượng xả thải 200m<sup>3</sup>/ngày.đêm theo đúng nội dung Giấy phép xả thải vào nguồn nước số số 29/GP-UBND ngày 09/07/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ).

#### 4.3. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn điện cung cấp cho cơ sở là điện lưới quốc gia, điện được sử dụng cho tất cả các hoạt động của cơ sở bao gồm thiết bị văn phòng, nguồn điện thấp sáng, các thiết bị hoạt động sản xuất với nhu cầu sử dụng khoảng 2.749.662kwh/năm (năm 2023), so với năm 2022 thì mức tiêu thụ điện khoảng 2.592.200 Kwh/năm.

#### 4.4. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

Nhiên liệu chủ yếu là dầu DO sử dụng cho máy phát điện dự phòng, nhà máy trang bị 2 máy phát điện, 1 máy có công suất 1.050KVA, 1 máy công suất 1.250KVA với nhu cầu sử dụng năm 2022 khoảng 3.232,5 lít/năm, năm 2023 khoảng 4.358,3 lít/năm.

#### 4.5. Nhu cầu sử dụng hóa chất

Nhu cầu sử dụng hóa chất tại cơ sở chủ yếu dùng cho xử lý nước cấp và quá trình kiểm soát chất lượng nước đầu và sau xử lý, cụ thể như sau:

**Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng hóa chất tại cơ sở**

STT	Tên hóa chất	Đơn vị	Số lượng
<b>A</b>	<b>Hóa chất dùng trong xử lý nước cấp</b>		
1	PAC (Poly aluminium chloride)	kg/năm	116.800
2	Khí Clo hóa lỏng	kg/năm	24.820
<b>B</b>	<b>Hóa chất dùng trong phòng thí nghiệm</b>		
1	Ferover Iron	g/năm	144
2	Nitriver 3	g/năm	11
3	Chromaver 3	g/năm	05
4	Mercuric Thiocyanate -	g/năm	100
5	Ferric Ion	g/năm	50

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy nước Cần Thơ 2 – công suất khai thác nước mặt 40.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm

6	Dissolved Oxygen AccuVac	g/năm	15
7	Sodium Hydroxide	g/năm	100
8	Hydrochloric Acid	g/năm	100
9	DPD Free chlorine	kg/năm	0,144
10	Nitraver 5	g/năm	10
11	Dung dịch chuẩn pH	kg/năm	02
12	Dung dịch bảo quản điện cực	kg/năm	01
13	Ascorbic Acid	g/năm	02
14	Alkaline Cyanide	g/năm	02
15	PAN Indicator	g/năm	30
16	Polyvinyl Alcohol	g/năm	30
17	Mineral Stabilizer	g/năm	30
18	Nessler Reagent	g/năm	60
19	Axit Sulfuric đậm đặc	kg/năm	01
20	Dung dịch Amoniac	kg/năm	0,3

(Nguồn: Công ty Cổ phần cấp nước Cần Thơ 2, năm 2024)

## 5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

### 5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở

Các hạng mục công trình của cơ sở như sau:

**Bảng 1.2. Các hạng mục công trình của cơ sở**

STT	Các hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích
1	Cụm xử lý, bể chứa	m <sup>2</sup>	3.802
2	Nhà vận hành	m <sup>2</sup>	152
3	Nhà cơ khí	m <sup>2</sup>	705
4	Nhà hóa chất	m <sup>2</sup>	152
5	Nhà trạm bơm	m <sup>2</sup>	108
6	Nhà máy phát điện	m <sup>2</sup>	108

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy nước Cần Thơ 2 – công suất khai thác nước mặt 40.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm

7	Ao chứa bùn	m <sup>2</sup>	1.138,2
8	Kho CTNH	m <sup>2</sup>	3,42
9	Đường nội bộ, cây xanh	m <sup>2</sup>	17.618,58
<b>Tổng</b>		<b>m<sup>2</sup></b>	<b>23.787,2</b>

(Nguồn: Chủ cơ sở, năm 2024)

## 5.2. Danh mục máy móc, thiết bị

Danh mục máy móc, thiết bị cụm 40.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm như sau:

**Bảng 1.3. Danh mục máy móc thiết bị cụm 40.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm**

Vị trí	Tên thiết bị	Công suất (Kw)	Số lượng/Số thiết bị hoạt động	Tình trạng còn lại (%)
Trạm bơm cấp I (sông Hậu)	Máy bơm nước thô	75	02/01	85
Trạm bơm cấp I (dự phòng – rạch Khai Luông)	Máy bơm nước thô	55 75(2)	03/01	85
Chân không	Máy xung động	11	04/04	85
Phòng máy nén khí	Máy thổi gió	30	02/01	75
	Máy khí nén	5,5	02/01	75
	Thiết bị sấy không khí	0,43	01/01	75
Phòng điều hành	Bơm rửa lọc	22	02/01	75
Nhà hóa chất	Bơm định lượng	1,5	03/01	80
	Bơm khuấy phèn	1,5	02/01	80
Nhà bơm trộn Clo	Bơm trộn Clo	2,2	02/01	80
Trạm bơm cấp II	Máy bơm nước sạch	160	03/02	85

(Nguồn: Chủ cơ sở, năm 2024)



## **Chương II**

### **SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

#### **1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:**

- Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia: chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Quy hoạch vùng: dự án phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022.

- Quy hoạch tỉnh: dự án phù hợp với Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02/12/2023.

Ngoài ra cơ sở còn phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển của Nhà nước theo các văn bản sau:

- Phù hợp với Quyết định 1533/QĐ-TTg ngày 30/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội quận Bình Thủy đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

#### **2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:**

Cơ sở đã lập Báo cáo xả nước thải vào nguồn nước của Nhà máy nước Cần Thơ 2 và đã được cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 29/GP-UBND ngày 09/07/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Nước thải của Nhà máy sau xử lý theo ống nhựa PVC 168 chảy ra rạch Khai Luông.

Tọa độ vị trí xả thải (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>, múi chiếu 3<sup>0</sup>*): X=1113223, Y=583837

Phương thức xả thải: tự chảy

Chế độ xả thải: xả không liên tục (02 giờ/ngày.đêm)

---

**\* Tính toán khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước**

Do nguồn nước tiếp nhận đang được đánh giá sử dụng cho mục đích sinh hoạt nên giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nguồn nước được xác định theo Quy chuẩn chất lượng nước mặt QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 1, Bảng 2-cột A), cụ thể:

**Bảng 2.1. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nguồn nước được xác định theo quy chuẩn chất lượng nước mặt QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 1, Bảng 2-cột A)**

Thông số	TSS	BOD <sub>5</sub>	COD	Amoni	Coliform
Giá trị giới hạn= C <sub>qc</sub> (mg/l)	25	4	10	0,3	1.000

**Bảng 2.2. Chất lượng nước mặt tại vị trí xả thải (ngày 11/12/2023)**

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT (cột A2)
1	TSS	mg/l	25	≤25
2	BOD <sub>5</sub> (20 °C)	mg/l	4	≤4
3	COD	mg/l	9,1	≤10
4	Amoni	mg/l	0,09	0,3 <sup>(1)</sup>
5	Coliform	MPN/100ml	2,4 x 10 <sup>3</sup>	≤1.000

Ghi chú: (1) – Bảng 1 QCVN 08:2023/BTNMT

Phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước theo quy định tại Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước bằng phương pháp đánh giá gián tiếp. Trong đó:

**\* Tính toán tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt**

Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt được áp dụng theo công thức sau:

$$L_{td} = Q_s * C_{qc} * 86,4 \text{ (i)}$$

Trong đó:

L<sub>td</sub> (kg/ngày) là tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt

$Q_s$ (m<sup>3</sup>/s) là lưu lượng dòng chảy của sông Khai Luông. Chọn  $Q_s = 50\text{m}^3/\text{s}$ .

$C_{qc}$ (mg/l) là giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 1, Bảng 2-cột A)

86,4 là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m<sup>3</sup>/s sang kg/ngày)

Thay các giá trị tính toán vào công thức (i) ta có tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt lần lượt như sau:

**Bảng 2.3. Kết quả tải lượng ô nhiễm tối đa của thông số chất lượng nước mặt**

Thông số	TSS	BOD <sub>5</sub>	COD	Amoni	Coliform
$Q_s$ , m <sup>3</sup> /s	50	50	50	50	50
$C_{qc}$ (mg/l)	25	4	10	0,3	1.000
$L_{td}$ (kg/ngày)	108.000	17.280	43.200	1.296	4.320.000

\* *Tính toán tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước*

Tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước được tính theo công thức sau:

$$L_{nn} = Q_s * C_{nn} * 86,4 \text{ (ii)}$$

Trong đó:

$L_{nn}$  (kg/ngày) là thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước

$Q_s$  (m<sup>3</sup>/s) là lưu lượng dòng chảy của sông Khai Luông,  $Q_s = 50\text{m}^3/\text{s}$

$C_{nn}$  (mg/l) là kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt sông Khai Luông.

86,4 là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m<sup>3</sup>/s sang kg/ngày)

Thay các giá trị tính toán vào công thức (ii) ta có tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước lần lượt như sau:

**Bảng 2.4. Kết quả tải lượng ô nhiễm của các thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước**

Thông số	TSS	BOD <sub>5</sub>	COD	Amoni	Coliform
Q <sub>s</sub> , m <sup>3</sup> /s	50	50	50	50	50
C <sub>nn</sub> (mg/l)	25	4	9,1	0,09	2.400
L <sub>nn</sub> (kg/ngày)	108.000	17.280	39.312	388,8	10.368.000

\* *Tính toán tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải*

Nguồn thải vào đoạn sông gồm 03 nguồn chính: nguồn thải điểm, nguồn thải diện và nguồn thải tự nhiên. Tải lượng các thông số ô nhiễm từ 03 nguồn này được ký hiệu tương ứng là L<sub>t</sub>, L<sub>d</sub> và L<sub>n</sub>

Công thức xác định tổng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải:  $L_{tt} = L_t + L_d + L_n$  (iii)

Công thức xác định tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải điểm:

$$L_t = C_t \times Q_t \times 86,4 \text{ (iv)}$$

Trong đó:

L<sub>t</sub> (kg/ngày) là tải lượng chất ô nhiễm trong nguồn thải

Q<sub>t</sub>(m<sup>3</sup>/s) là lưu lượng nước thải lớn nhất, Q<sub>t</sub> = 0,03 m<sup>3</sup>/s

C<sub>t</sub>(mg/l) là kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải (*lấy theo QCVN 40:2011/BTNMT – cột A*)

**Bảng 2.5. Chất lượng chất ô nhiễm trong nguồn thải (ngày 11/12/2023)**

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả
1	TSS	mg/l	13
2	BOD <sub>5</sub> (20 °C)	mg/l	4
3	COD	mg/l	12,1
4	Amoni	mg/l	0,4
5	Coliform	MPN/100ml	230

Thay các giá trị tính toán vào công thức (iv) ta có tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải lần lượt như sau:

**Bảng 2.6. Kết quả tải lượng các thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải**

Thông số	TSS	BOD <sub>5</sub>	COD	Amoni	Coliform
Q <sub>t</sub> , m <sup>3</sup> /s	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03
C <sub>t</sub> (mg/l)	13	4	12,1	0,4	230
L <sub>t</sub> (kg/ngày)	33,696	10,368	31,363	1,036	596,16

Các giá trị L<sub>d</sub> và L<sub>n</sub> được xác định trên cơ sở xem xét gộp dựa vào phương trình cân bằng vật chất, trong trường hợp này nguồn thải diện L<sub>d</sub> =0, nguồn thải tự nhiên L<sub>n</sub> =0.

Thế vào công thức (iii) ta có L<sub>tt</sub> như sau:

Thông số	TSS	BOD <sub>5</sub>	COD	Amoni	Coliform
L <sub>tt</sub> (kg/ngày)	33,696	10,368	31,363	1,036	596,16

*\* Tính toán khả năng tiếp nhận nước thải*

Khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước đối với một chất ô nhiễm cụ thể được tính theo công thức gián tiếp như sau:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) \times F_s + NP_{td} \text{ (v)}$$

Trong đó:

L<sub>tn</sub> (kg/ngày) là khả năng tiếp nhận tải lượng chất ô nhiễm của nguồn nước.

F<sub>s</sub> là hệ số an toàn bằng 0,7 đến 0,9, giá trị của hệ số này được xác định trường hợp này ta chọn bằng 0,8

NP<sub>td</sub>: tải lượng cực đại của thông số ô nhiễm mất đi do các quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn sông, đơn vị tính là kg/ngày. Trường hợp này chọn NP<sub>td</sub> = 0.

Nếu giá trị L<sub>tn</sub> lớn hơn (>) 0 thì nguồn nước vẫn còn khả năng tiếp nhận đối với chất ô nhiễm. Ngược lại, nếu giá trị L<sub>tn</sub> nhỏ hơn hoặc bằng (≤) 0 có nghĩa là nguồn nước không còn khả năng tiếp nhận đối với chất ô nhiễm.

Thay các giá trị tính toán vào công thức (v) ta có khả năng tiếp nhận của nguồn nước sau khi tiếp nhận nước thải từ cơ sở đối với các chất ô nhiễm trên lần lượt như sau:

**Bảng 2.7. Kết quả tính toán khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước**

Thông số	TSS	BOD <sub>5</sub>	COD	Amoni	Coliform
L <sub>td</sub> (kg/ngày)	108.000	17.280	43.200	1.296	4.320.000
L <sub>mn</sub> (kg/ngày)	108.000	17.280	39.312	388,8	10.368.000
L <sub>tt</sub> (kg/ngày)	33,696	10,368	31,363	1,036	596,16
F <sub>s</sub>	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8
T <sub>tn</sub> (kg/ngày)	-26,956	-8,294	3.085,309	724,931	-4.838.876,928

**\* Kết luận:**

Kết quả tính toán cho thấy nước mặt rạch Khai Luông bị ô nhiễm nhẹ bởi TSS, BOD<sub>5</sub> và coliform.

Nước rạch Khai Luông có thể được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

Dựa vào báo cáo và kết quả giám sát môi trường hàng năm trong phạm vi của Nhà máy nước Cần Thơ 2, Cơ sở đã thu gom, xử lý hiệu quả nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, K<sub>q</sub>=0,9, K<sub>f</sub>=1,1) trước khi xả thải ra rạch Khai Luông. Chất lượng nước thải sau xử lý được kiểm soát bằng chương trình quan trắc nước thải định kỳ gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ để theo dõi, giám sát. Nhà máy cam kết xử lý hiệu quả nước thải nhằm đạt yêu cầu quy định tại QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, K<sub>q</sub>=0,9, K<sub>f</sub>=1,1) và dừng ngay việc xả nước thải khi có sự cố để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Do đó, cơ sở hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

### Chương III

## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có):

#### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải

- Mưa từ mái nhà, sân, đường nội bộ sẽ chảy tự động vào hệ thống cống thu gom nước mưa riêng biệt tại cơ sở.

- Hệ thống cống thoát nước mưa được thiết kế hợp lý và hiệu quả. Dọc theo cống bố trí các hố ga, song chắn rác để lắng cặn và tách rác có kích thước lớn trước khi thoát ra cống thoát nước khu vực ở phía trước cổng của Nhà máy tại 01 điểm xả.

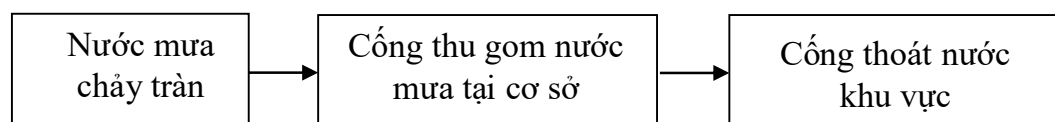
✓ *Thông số kỹ thuật của tuyến cống thu gom, thoát nước mưa:*

- Tổng chiều dài toàn tuyến cống thu gom: khoảng 603m

- Vật liệu: BTCT

- Đường kính: D600

Sơ đồ cống thu gom nước mưa



**Hình 3.1. Sơ đồ thoát nước mưa của cơ sở**

#### 1.2. Thu gom, thoát nước thải:

- Công trình thu gom nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: tại nhà máy không có hoạt động của nhà ăn, nước thải sinh hoạt chủ yếu phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại theo ống nhựa PVC 168 dẫn về ao lắng bùn.

+ Nước thải sản xuất từ các hố xả bùn bể lắng, bể lọc theo đường cống BTCT D600 dẫn về hố gom có kích thước: dài x rộng = 7,5m x 6,7m.

Nước thải từ hố gom được bơm về ao lắng bùn bằng đường ống nhựa PVC D168 dài khoảng 85m.

- Công trình thoát nước thải: nước thải từ ao lắng bùn thoát ra rạch Khai Luông bằng ống nhựa PVC 168.

- Điểm xả nước thải sau xử lý:

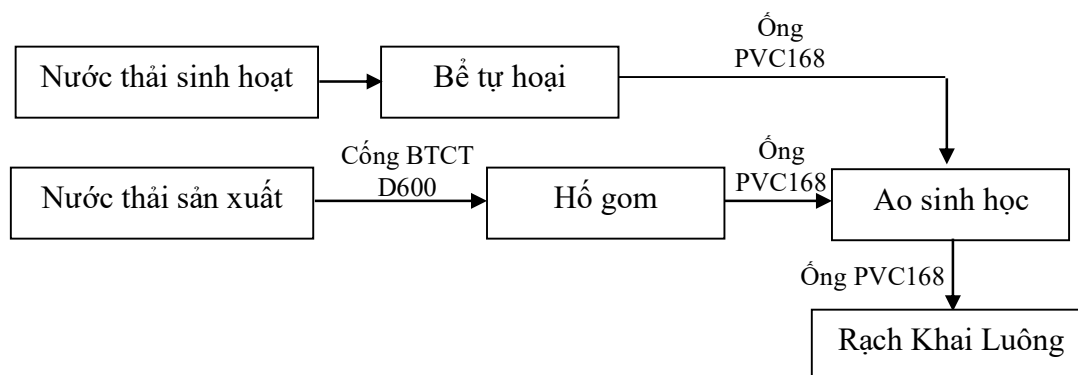
+ Vị trí xả thải: số 366C đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

+ Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>): X=1113223, Y=583837

+ Phương thức xả thải: tự chảy

+ Chế độ xả thải: xả không liên tục (02 giờ/ngày.đêm)

Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải:



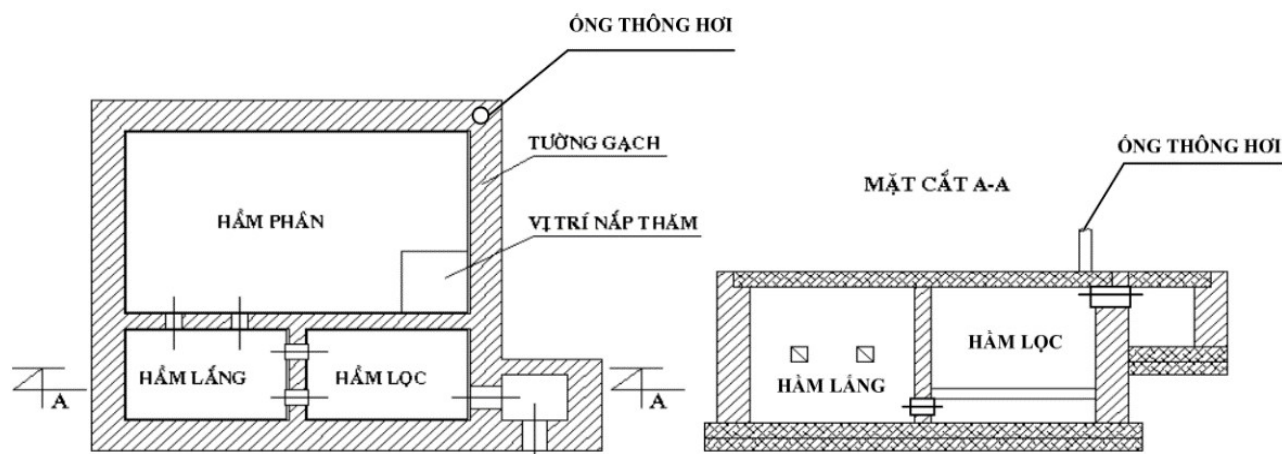
**Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải**

### 1.3. Xử lý nước thải:

#### a. Công trình xử lý sơ bộ

Nước thải từ khu vực nhà vệ sinh được dẫn về bể tự hoại để xử lý sơ bộ trước khi dẫn về ao lắng bùn.





**Hình 3.3. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn**

➤ Nguyên lý hoạt động:

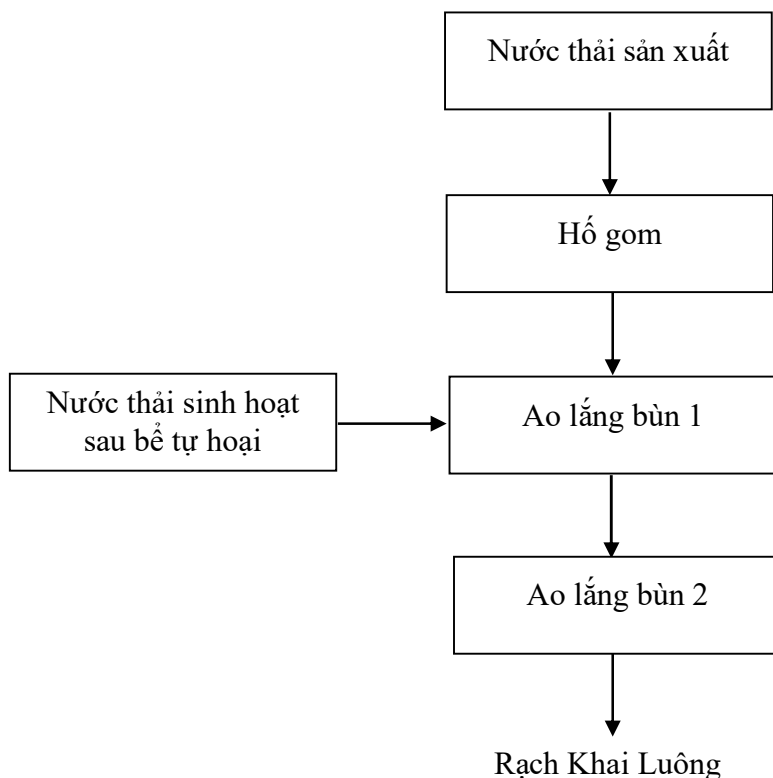
Bể tự hoại có ba ngăn để làm việc với 3 quy trình như: chứa, lắng, lọc. Từ ngăn chứa sang ngăn lọc không để lỗ chảy trực tiếp mà dẫn nước qua một cút sảnh. Cần chú ý đáy ống đường vào bể phải cao hơn đường ra ít nhất 10cm, để ngăn không cho nước trong bể thâm nhập trở lại đường ống lên thiết bị vệ sinh và ngăn ngừa sự hình thành của chất rắn trong ống cống tiện cho việc thông tắc cống hút bùn về sau.

Bể tự hoại ở đây gồm có ống vào, ống ra, ống thông hơi, ống hút cặn bã và hố ga. Ống vào bể tự hoại gồm có 2 ống dẫn nối từ bồn vệ sinh khu vệ sinh của nhà vệ sinh và bể tự hoại. Ống ra bể tự hoại là ống dẫn từ bể tự hoại tới hố ga để thoát ra ngoài cống thoát nước chung. Ống thông hơi là ống để thông khí cho bể tự hoại để cân bằng khí áp trong bể làm cho việc xả thải từ bồn cầu vệ sinh thoát nhanh không có áp lực cản của áp suất trong bể. Ngoài ra chúng ta phải lắp thêm một ống thông hút cặn bã, ống này phải có đường kính 20cm để tiện cho việc luôn ống vào trong bể hút cặn bã khi bị đầy. Hố ga cũng vậy chúng ta lên đặt vị trí ngoài nhà để tiện cho việc thông tắc hút bể tự hoại khi đầy. Lúc đó, những công việc thông tắc hút bể tự hoại sẽ chỉ làm việc ở ngoài mà không ảnh hưởng đến không gian môi trường bên trong nhà và đặc biệt là không phải đục phá.

Khi cặn bã tại bể tự hoại đầy được hút đi thải bỏ để tránh cặn bã dồn ứ sang bể hố ga gây ra tắc cống nước. Nước sau xử lý được dẫn về ao lắng bùn.

## b. Công trình xử lý tập trung

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại, nước thải sản xuất được thu gom dẫn về ao lắng bùn, quy trình xử lý như sau:



**Hình 3.4. Quy trình xử lý nước thải tại cơ sở**

### \* Thuyết minh quy trình

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại, nước thải sản xuất được dẫn về ao lắng bùn 1, sau đó qua ao lắng bùn 2 và chảy ra rạch Khai Luông. Thời gian lưu nước tại 2 ao sinh học khoảng 22 giờ, ao sinh học 1 có thể tích 3.300m<sup>3</sup>, ao sinh học 2 có thể tích 594m<sup>3</sup>, tổng diện tích của 2 ao khoảng 1.138,2m<sup>2</sup>.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, K<sub>q</sub>=0,9, K<sub>f</sub>=1,1) và chảy ra rạch Khai Luông.

## 2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

\* Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào khu vực cơ sở:

- Sử dụng các loại nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp ( $S=500mg/kg$ ).

- Sử dụng các phương tiện đã qua đăng kiểm.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ tăng hiệu quả đốt cháy nhiên liệu của động cơ.
- Đối với các loại xe được phép chạy trong khuôn viên dự án phải giảm tốc độ không quá 5 km/h. Tắt máy khi không cần thiết và vận chuyển theo đúng tuyến quy định.
- Các phương tiện đi vào khu vực cơ sở phải dừng, đỗ đúng nơi quy định.
- Bê tông hóa đường nội bộ trong khu vực dự án.
- Trồng cây xanh dọc theo vỉa hè và trên dải ngăn cách đường của cơ sở để tạo cảnh quan và giảm thiểu bụi tiếng ồn.

**\* Giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng**

- Phòng đặt máy phát điện được bố trí cách xa khu vực làm việc khác để tránh khí thải phát sinh gây ảnh hưởng đến hiệu suất làm việc.
- Kết cấu phòng đặt máy phát: tường xây gạch, mái lợp tole, nền bê tông.
- Lắp đặt ống khói phát thải đường kính D300
- Vận hành máy đúng kỹ thuật, bảo trì định kỳ.
- Sử dụng các loại nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp S=500mg/kg (theo TCVN 5689:2018, mức 2).
- Trồng cây xanh trong khu vực nội bộ trong khuôn viên nhà máy và đặc biệt ở khu vực nhạy cảm như hệ thống xử lý bùn thải, khu chứa rác thải sinh hoạt,...

Thông số kỹ thuật của máy phát điện 1.250KVA:

- Model: EY1250P
  - Động cơ: Perkins
  - Đầu phát: Mecc Alte
  - Công suất liên tục: 1250 KVA
  - Công suất dự phòng: 1375 KVA
  - Điện áp: 220/380 V
  - Tốc độ: 1500 V/p
-

- Tần số: 50 Hz
- Độ ồn đo cách 7 m (Có vỏ cách âm) : 80 dBA

Thông số kỹ thuật của máy phát điện 1.050KVA

- Model: LSA 50 M5
- Công suất liên tục: 1050 KVA
- Điện áp: 220/380 V
- Tốc độ: 1500 V/p
- Tần số: 50 Hz

**\* Giảm thiểu bụi và mùi phát sinh từ các hố ga, chất thải rắn, khu xử lý bùn:**

- Rác thải sinh hoạt: bố trí thùng rác có nắp đậy và hợp đồng với Công ty Cổ phần đô thị Cần Thơ để thu gom, vận chuyển và xử lý;
- Thường xuyên quét dọn vệ sinh tại cơ sở
- Định kỳ thu hút bùn trong bể tự hoại, ao sinh học đi xử lý.
- Trồng và thường xuyên chăm sóc cây xanh xung quanh khu vực cơ sở.
- Xây dựng hố ga có nắp đậy để hạn chế quá trình phát tán khí thải ra môi trường xung quanh.

**3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:**

**\* Chất thải sinh hoạt**

Lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở khoảng 10kg/ngày.

Bố trí thùng nhựa có nắp đậy chứa chất thải sinh hoạt và lót túi đựng rác phân hủy sinh học bên trong tại nhà vệ sinh và khu vực làm việc. Hằng ngày, nhân viên thu gom rác từ các thùng chứa về khu vực tập kết (phía trước cổng nhà máy) tạo sự thuận tiện cho công tác thu gom, xử lý. Chủ cơ sở thực hiện ký hợp đồng định kỳ 01 năm/lần với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom: 01 lần/ngày.

Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa có nắp đậy.
  - Khu vực chứa chất thải sinh hoạt (khu vực đặt thùng chứa rác):
-

+ Diện tích khoảng 2m<sup>2</sup>.

+ Kết cấu: nền bê tông

**\* Chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Các bao bì PAC, bình chứa khí Clo hóa lỏng, ...sẽ được thu gom và bán phế liệu

- Vật liệu lọc: gồm sỏi và cát thạch anh, khoảng 5 năm thay 1 lần với khối lượng như sau:

+ Sỏi: diện tích bể lọc khoảng 392m<sup>2</sup>, độ dày lớp sỏi khoảng 100cm, do đó lượng sỏi khoảng 39,2 m<sup>3</sup>/lần thay.

+ Cát thạch anh: diện tích bể lọc khoảng 392m<sup>2</sup>, độ dày lớp cát thạch anh khoảng 900cm, do đó lượng cát thạch anh khoảng 352,8 m<sup>3</sup>/lần thay.

Biện pháp xử lý: sỏi, cát thạch anh sau khi thay được bán cho các đơn vị có nhu cầu san lấp mặt bằng.

- Bùn thải: lượng bùn thải trung bình khoảng 4.224kg

Kết quả phân tích bùn thải từ ao sinh học như sau:

**Bảng 3.1. Kết quả phân tích bùn thải**

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50: 2013/BTNMT Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối (H <sub>tc</sub> , ppm) T=0,41
1	pH	-	6,76	2,0-12,5
2	Ag	mg/kg	2,5	43,95
3	As	mg/kg	1,4	17,58
4	Ba	mg/kg	KPH	879
5	Cd	mg/kg	0,95	4,395
6	Co	mg/kg	KPH	703,2
7	Tổng Cr	mg/kg	KPH	-
8	Hg	mg/kg	KPH	1,758
9	Ni	mg/kg	KPH	615,3
10	Pb	mg/kg	12	131,85
11	Se	mg/kg	KPH	8,79
12	Zn	mg/kg	69	2197,5

(Nguồn: Chủ cơ sở, năm 2024)

\* **Nhận xét:** kết quả phân tích bùn thải không có thành phần vượt ngưỡng nguy hại so với QCVN 50:2013/BTNMT.

Định kỳ 06 tháng/lần nạo vét bùn để cấp bờ ao sinh học để phơi khô, sau đó đem bón cho cây ở khung viên trạm và cho người dân san lấp hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

#### 4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của chất thải nguy hại đến môi trường phải được thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung một số điều của Luật bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Chất thải nguy hại từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, hoặc khi có sự cố xảy ra sẽ được thu gom vào khu vực chứa CTNH với khối lượng như sau:

**Bảng 3.2. Khối lượng chất thải nguy hại tại cơ sở**

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	10	17 06 01
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	2	18 02 01
3	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	2	08 02 04
<b>Tổng số lượng</b>			<b>14</b>	

#### Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại.

- Kho chứa CTNH:

+ Diện tích: 3,42 m<sup>2</sup>

+ Kết cấu: Nhà chứa CTNH được xây dựng tường gạch, nền bê tông, mái tôn, có gờ chống tràn, cửa khóa kín. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại trang bị

các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

- Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Tần suất thu gom: 1 lần/năm.

## **5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Khu vực đặt máy phát điện được xây dựng kín để tránh tiếng ồn phát tán ra bên ngoài, đồng thời đặt lớp đệm chống ồn tại chân máy.

- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng các máy móc, độ mài mòn các chi tiết, kiểm tra dầu mỡ và thay thế các thiết bị mài mòn.

- Thường xuyên kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

- Bố trí máy bơm nước cách xa nơi làm việc của công nhân viên và xây tường bằng gạch.

- Máy phát điện phải được đặt trên các bệ đúc có móng chắc chắn bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật, lắp đặt các đệm cao su hoặc lò xo chống rung và kiểm tra kỹ độ cân bằng khi lắp đặt

## **6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:**

### **➤ Sự cố cháy nổ**

#### *Biện pháp phòng ngừa:*

- Công ty đã lập Phương án chữa cháy – cứu nạn, cứu hộ lưu hành nội bộ tại cơ sở.

- Thường xuyên kiểm tra khu vực bồn chứa dầu, sử dụng bồn chứa đúng tiêu chuẩn và được bảo hành để tránh sự cố rò rỉ.

- Thường xuyên kiểm tra Nhà chứa hóa chất.

- Nghiêm cấm mọi người hút thuốc trong khu vực Nhà chứa hóa chất.

- Thực hiện các biện pháp an toàn về điện gồm:

+ Các thiết bị điện được tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ, có thiết bị bảo vệ quá tải.

+ Hệ thống đường điện đảm bảo có hành lang an toàn, hệ thống bảo vệ pha role cho các thiết bị sử dụng điện và được thường xuyên kiểm tra mức độ an toàn điện.

+ Chương trình phổ biến hướng dẫn cho cán bộ công nhân viên về nội quy an toàn điện. Trang bị bảo hộ an toàn điện cho công nhân vận hành, sửa chữa điện.

- Đối với nhà chứa hóa chất

+ Lập sổ theo dõi lượng hóa chất nhập vào.

+ Hệ thống điện chiếu sáng, đường dây điện được thiết kế đúng theo TCVN. Không sử dụng dụng cụ, thiết bị có khả năng gây ra tia lửa điện do ma sát hay va đập.

+ Để tránh sự cố do cháy nổ do hơi hóa chất dễ cháy nổ tích tụ tại kho, kho luôn đảm bảo thông thoáng, hệ thống quạt hút được đảm bảo hoạt động thường xuyên.

+ Các loại hóa chất được phân loại và xếp từng khu vực riêng, tránh các vật liệu không tương thích nhằm tránh các loại hóa chất tự phản ứng với nhau gây ra nguy cơ cháy nổ.

+ Khu vực xung quanh kho được đảm bảo trống, không lưu các vật dụng dễ cháy như thùng giấy, rác thải, ...

+ Đảm bảo các biển báo và biện pháp phòng ngừa được liệt kê cho các nhóm hóa chất, sản phẩm tại kho chứa.

*Biện pháp ứng phó sự cố cháy nổ:*

- Người đầu tiên phát hiện cháy hô to Cháy...Cháy...Cháy... hoặc dùng loa báo động cho mọi người trong toàn bộ cơ sở biết.

- Chỉ huy chữa cháy tổ chức cắt điện khu vực cháy hoặc toàn bộ cơ sở để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công tác chữa cháy.

- Tổ chức cứu người bị nạn ra nơi an toàn.

- Dùng bình chữa cháy xách tay để chữa cháy.

---



- Sử dụng các dụng cụ chữa cháy tại cơ sở để dập tắt đám cháy, ngăn cháy lan.

- Đồng thời phân công 01 thành viên gọi điện số 114 báo cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp đến để cứu chữa, đồng thời điện thoại cho các cơ quan chức năng đến để hỗ trợ cho công tác chữa cháy và đảm bảo an toàn trật tự xã hội khu vực chữa cháy và bảo vệ hiện trường.

- Huy động các lực lượng, phương tiện chuyển tài sản chưa bị cháy ra nơi an toàn.

- Cử người đón và hướng dẫn lực lượng PCCC chuyên nghiệp tiếp cận đám cháy được dễ dàng.

- Làm tốt công tác hậu cần chiếu sáng nếu đám cháy kéo dài vào ban đêm.

- Phối hợp với các lực lượng khác đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài cơ sở, bảo vệ tài sản cứu được, bảo vệ hiện trường cháy, tham gia họp rút kinh nghiệm khi đám cháy được dập tắt.

### ➤ **Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu đối với tai nạn lao động**

Nếu làm tốt các công tác phòng chống cháy nổ sẽ giảm được một phần tai nạn lao động. Bên cạnh đó để mọi người làm việc được an toàn công ty thực hiện các biện pháp sau đây:

- Thành lập phòng y tế của nhà máy để chăm sóc sức khỏe công nhân trong trường hợp khẩn cấp.

- Định kỳ 3 tháng/lần tiến hành duy tu, sửa chữa các trang thiết bị phục vụ sản xuất nhằm hạn chế phát sinh ô nhiễm và đảm bảo an toàn lao động cho công nhân trong quá trình sản xuất.

- Bố trí nhân viên giám sát kỹ thuật trong quá trình vận hành.

- Đặt các biển báo, biển cấm, biển hướng dẫn an toàn trong lao động theo đúng quy định.

- Công nhân vận hành các máy móc đúng kỹ thuật, trước khi khởi động công nhân kiểm tra hệ thống đường dây điện máy móc để đảm bảo an toàn khi vận hành.

- Máy móc, thiết bị có bảng chỉ dẫn (tên, hướng dẫn vận hành).

---

- Hệ thống điện được bố trí lắp đặt đảm bảo an toàn.
- Công nhân vận hành máy không được uống rượu bia để tránh ảnh hưởng đến công việc.
- Trang bị đầy đủ các dụng cụ an toàn bảo hộ lao động cho công nhân.
- Kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân 1 lần/năm.
- \* *Quy tắc an toàn lao động khi làm việc với máy nén khí.*

Bắt buộc người sử dụng lao động trước khi sử dụng máy nén khí được kiểm định kỹ thuật an toàn theo quy định hiện hành.

Bình nén khí đáp ứng đủ các tiêu chuẩn về an toàn lao động như van an toàn được lắp đặt đúng theo thiết kế, không cho phép xảy ra tình trạng các lỗ thoát hơi mất an toàn. Áp kế có thang đo phù hợp, được thông qua quá trình kiểm định chất lượng định kỳ hàng năm.

### ➤ **Sự cố hóa chất**

\* *Biện pháp phòng ngừa:*

- Để hạn chế sự cố phát sinh, công ty chỉ nhập hóa chất trong kho với lượng đủ dùng, kho được quản lý chặt chẽ, hạn chế người ra vào, chỉ những người có nhiệm vụ mới được phép ra vào kho. Các hóa chất trước khi nhập vào kho được kiểm tra cẩn thận, đảm bảo bao chứa, bình chứa phải được an toàn không bị bể nứt. Nhân viên quản lý thường xuyên kiểm tra tình trạng các bao bì hóa chất lưu trữ ở kho, đảm bảo kịp thời xử lý trường hợp chai lọ bị vỡ, rò rỉ.

- Tại kho hóa chất, các hóa chất được sắp xếp cùng loại và có khoảng cách theo quy định, có hệ thống thông gió tốt.

- Mặt bằng kho chứa phải luôn sạch sẽ, ngăn nắp.

- Các nơi lưu chứa, thao tác hóa chất luôn thông thoáng, đầy đủ ánh sáng để nhân viên thao tác chính xác, tránh rơi vãi, đổ, tràn hóa chất.

- Cử nhân viên thao tác với hóa chất tham gia các lớp tập huấn an toàn khi thao tác với hóa chất.

- Tập huấn nội bộ về an toàn cho nhân viên thao tác với hóa chất.

- Tập huấn về sơ cứu đối với các tai nạn do hóa chất gây ra.

\* *Biện pháp ứng phó*

Công tác tổ chức, điều hành ứng phó sự cố:

---

- Khi xảy ra sự cố hóa chất thì người phát hiện ra sự cố phải báo động cho nhân viên làm việc tại công ty và báo cáo ngay tình hình cho Giám đốc và người chịu trách nhiệm an toàn hóa chất ở Công ty.

- Giám đốc hoặc người có trách nhiệm được phân công phải trực tiếp chỉ huy xử lý sự cố hóa chất. Ngoài ra, Giám đốc sẽ liên hệ với các đơn vị phối hợp để tìm kiếm sự hỗ trợ ứng cứu khi sự cố vượt quá khả năng của lực lượng tại chỗ.

- Lãnh đạo Công ty phải báo ngay với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các đơn vị liên quan để phối hợp xử lý và chịu trách nhiệm về các hậu quả khi có sự cố hóa chất xảy ra.

- Nhân viên phụ trách hóa chất phải báo động sơ tán những người không phận sự ra khỏi khu vực xảy ra sự cố, bảo vệ hiện trường xảy ra sự cố.

- Tại khu vực hiện trường xảy ra sự cố nếu có người bị nạn thì phải đưa ngay nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm và tiến hành sơ cấp cứu trước khi chuyển cơ sở y tế.

- Tập hợp nhân lực đã được phân công nhiệm vụ và đã được đào tạo về xử lý sự cố hóa chất đến hiện trường, nắm tình hình chung và triển khai hoạt động xử lý thích hợp theo nội dung Biện pháp ứng cứu.

- Trang bị bảo hộ đầy đủ cho công nhân trước khi tiến hành xử lý sự cố. Huy động phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố đã được trang bị vào quá trình thực hiện xử lý.

#### Thông tin liên lạc, báo nguy:

- Khi xảy ra sự cố thì nhân viên sẽ hô to báo động, sơ tán nhân sự, thông báo bằng điện thoại hoặc trực tiếp cho Giám đốc và người chịu trách nhiệm biết tình hình.

- Lực lượng xử lý sự cố là tất cả nhân viên làm việc tại công ty đã được huấn luyện và nắm vững kỹ thuật xử lý sự cố tràn đổ, cháy nổ hóa chất sẽ được thông báo và tập trung tại hiện trường để tiến hành xử lý.

- Công ty sử dụng hệ thống thông tin do mạng viễn thông cung cấp, nếu sự cố không ảnh hưởng tới đường truyền thì Công ty sẽ sử dụng điện thoại cố định để thông báo nội bộ và bên ngoài. Nếu sự cố ảnh hưởng tới đường truyền thì công ty sẽ sử dụng mạng di động hoặc trực tiếp thông báo.

---

**Kế hoạch, phối hợp hành động:**

Khi xảy ra sự cố hóa chất, tùy theo tình hình và mức độ của sự cố, giám đốc công ty sẽ có chỉ đạo phối hợp với các đơn vị ứng phó bên ngoài để phát huy được hiệu quả.

+ Nhân viên trực tiếp tại hiện trường thông báo cho các nhân viên khác hoạt động tại cơ sở và báo cáo cho lãnh đạo Công ty.

+ Giám đốc Công ty chỉ đạo công tác ứng cứu, phân công nhiệm vụ cho các nhân viên tại cơ sở tổ chức ứng cứu.

+ Giám đốc Công ty thông báo ngay tình hình diễn biến đến các đơn vị phối hợp bên ngoài khi cần thiết để nắm tình hình và có các biện pháp hỗ trợ, chỉ đạo phù hợp.

+ Giám đốc Công ty trực tiếp giám sát quá trình thu dọn hóa chất theo quy định đến khi hóa chất được thu dọn, đảm bảo an toàn.

➤ **Giảm thiểu sự cố về rò rỉ hệ thống cấp Clo**

- Sử dụng trang bị bảo hộ lao động trong quá trình pha chế hóa chất phục vụ công tác khử trùng.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống bình chứa, cấp Clo, bơm định lượng, các mối nối, roăng đệm và thay thế kịp thời khi có dấu hiệu hư hỏng nhằm hạn chế rủi ro rò rỉ clo

➤ **Sự cố sạt lở, sụp lún bờ sông**

Do dự án không sử dụng các tàu, thuyền vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm lên xuống khu vực bờ sông Hậu và rạch Khai Luông nên thời gian qua không xảy ra tình trạng sạt lở, sụp lún bờ sông.

➤ **Sự cố rò rỉ dầu**

Khi nhận được thông tin xảy ra sự cố tràn dầu, tiến hành các bước như sau:

**Bước 1:**

- Ghi nhận đầy đủ thông tin về sự cố xảy ra để xác định tính chất, qui mô của sự cố.

- Trong giờ hành chính báo cho Giám đốc sản xuất để kiểm tra và xử lý kịp thời.

---

- Ngoài giờ hành chính báo cho Tổ bảo vệ để kiểm tra và xử lý kịp thời.

**Bước 2:** Tổ chức thực hiện nhanh phương án ứng cứu:

- Vết dầu tràn nằm trong phạm vi hố thu gom dầu:
  - + Xác định nguyên nhân gây ra sự cố tràn dầu. Bịt ngay các vị trí gây rò rỉ.
  - + Làm sạch khu vực bị tràn dầu bằng cát.
- Vết dầu tràn nằm ngoài phạm vi hố thu gom dầu:
  - + Xác định nguyên nhân gây ra sự cố tràn dầu. Bịt các vị trí đang gây rò rỉ hoặc dựng đứng các bình, thùng.... chứa dầu gây ra sự cố tràn dầu
  - + Cô lập khu vực bị tràn dầu, không cho dầu tràn vào nguồn nước, sản phẩm, nguyên liệu trong nhà máy.
  - + Kiểm tra các yếu tố nguy hiểm của khu vực xung quanh đang xảy ra sự cố tràn dầu như vật liệu dễ cháy, nguồn tạo nhiệt... Phải tắt các động cơ, nguồn điện, thiết bị điện ở khu vực tràn dầu và các khu vực lân cận.
  - + Sử dụng các công cụ phục vụ cho việc chống tràn dầu như: xẻng, cát khô, vải thấm, xô chứa, găng tay, giày bảo hộ, thùng chứa rác thải nguy hại để tiến hành thu gom dầu bảo đảm an toàn.
  - + Đảm bảo khu vực tràn dầu phải được dọn sạch, không trơn trượt. Treo bảng cảnh báo trong thời gian xử lý sự cố.

**Bước 3:**

- Dầu thu gom, rác thải dính dầu, vải thấm dầu phải được đưa về kho chứa rác thải nguy hại.
- Các vật dụng dùng để thu gom dầu khác phải được đưa về kho nơi an toàn để xử lý.

➤ **Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải:**

Chất thải rắn thông thường:

- Trang bị thùng chứa có nắp đậy để hạn chế mùi hôi và bánh xe để dễ di chuyển khi cần thiết.
  - Bố trí vị trí đặt thùng đựng chất thải hợp lý, tránh khu vực xe ra vào thường xuyên và gần lối đi công nhân để tránh va quệt, gây đổ ngã.
-

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường định kỳ thu gom, bán phế liệu.
- Khi xảy ra sự cố ngã đổ thùng chứa thì phải tiến hành dọn dẹp, vệ sinh ngay để tránh gây mất mỹ quan và ô nhiễm nước mưa chảy tràn.

*Chất thải nguy hại:*

- Khu vực chứa CTNH có sàn, vách xung quanh bao kín, sử dụng vật liệu chống thấm, không cháy, chịu ăn mòn và không phản ứng hóa học với CTNH.

- CTNH sẽ được lưu trữ tại các thùng chứa riêng, có dán nhãn rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu. Nhãn dán sẽ được ghi chú đầy đủ các thông tin: Tên, mã CTNH, ngày bắt đầu được đóng gói và dấu hiệu cảnh báo.

- Chuẩn bị các vật liệu chống thấm (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi CTNH ở dạng lỏng.

- Hướng dẫn nội quy an toàn về CTNH cho công nhân khi tiếp xúc, thu gom, vận chuyển và lưu trữ.

- Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

➤ **Giảm thiểu sự cố ao sinh học và sự cố nghẹt đường dẫn của hệ thống thoát nước**

*\* Sự cố ao sinh học*

- Thường xuyên định kỳ kiểm tra tình trạng tại ao sinh học của cơ sở.
- Định kỳ hút bùn tại ao sinh học.

*\* Sự cố nghẹt đường dẫn của hệ thống thoát nước*

- Định kỳ kiểm tra đường dẫn hệ thống thoát nước của cơ sở.
- Lắp đặt các lược chắn rác tại đầu ống dẫn thoát nước của cơ sở.
- Bổ sung chế phẩm vi sinh để khắc phục tình trạng nghẹt đường dẫn của hệ thống thoát nước.

**7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:**

Không có.

**8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:**

Không có

---

**9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 30 Nghị định này)**

Hiện tại, Cơ sở đang lập thủ tục xin cấp giấy phép môi trường lần đầu.

**10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học:**

Cơ sở không thuộc loại hình phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

## Chương IV

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):

- Nguồn phát sinh nước thải:
- + Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh
- + Nguồn số 02: nước thải sản xuất từ quá trình rửa lọc, xả đáy bể lắng, nước thải phòng thí nghiệm
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 200m<sup>3</sup>/ngày.đêm
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý thải ra rạch Khai Luông.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Nước thải sau xử lý bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, Kq=0,9, Kf=1,1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

**Bảng 4.1. Các thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn của các thông số ô nhiễm theo dòng nước thải**

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6-9	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	29,7		
3	COD	mg/l	74,25		
4	SS	mg/l	49,5		
5	Amoni	mg/l	4,95		
6	Cd	mg/l	0,0495		
7	Pb	mg/l	0,099		
8	Hg	mg/l	0,00495		
9	As	mg/l	0,0495		
10	Tổng Nito	mg/l	19,8		
11	Tổng Phốtpho	mg/l	3,96		
12	Sunfua	mg/l	0,198		
13	Coliform	MPN/100ml	3000		



- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả thải: số 366C đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

+ Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>): X=1113223, Y=583837

+ Phương thức xả thải: tự chảy

+ Chế độ xả thải: xả không liên tục (02 giờ/ngày.đêm)

## 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Hoạt động của cơ sở không phát sinh khí thải nên không đề nghị cấp phép đối với nội dung này.

## 3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 01: từ các máy bơm nước.

+ Nguồn số 02: từ máy phát điện dự phòng

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

+ Nguồn số 01: Khu vực trạm bơm cấp I, cấp II.

+ Nguồn số 02: Khu vực nhà đặt máy phát điện

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

STT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường